

Số: 26 /2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2008

ĐỒ CÔNG THƯƠNG	
ĐỀ	Số:..... <i>SL.L.</i>
	Ngày..... <i>12/2/08</i>
Chuyên:.....	

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành một số cơ chế, chính sách
hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh, thành phố
vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 3263/TTr-BKH ngày 14 tháng 5 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010 (gồm thành phố Cần Thơ và các tỉnh: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau) như sau:

1. Một số mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2010:

- Tốc độ tăng trưởng GDP của Vùng đạt bình quân hàng năm trên 11%.
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) 10 - 11%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 20%.

- Học sinh trong độ tuổi tiểu học đến trường đạt trên 95%, học sinh trung học cơ sở đạt trên 85%, học sinh trung học phổ thông đạt trên 50%, 100% số trường, lớp được kiên cố hoá, trên 70% trường, lớp đạt chuẩn quốc gia. Tuyển sinh trung học chuyên nghiệp tăng hàng năm trên 20%, nâng tỷ lệ sinh viên đại học và cao đẳng lên 120 sinh viên/vạn dân.

- Tỷ lệ lao động được đào tạo chiếm khoảng 38 - 40%.

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế là 90%, số trạm y tế xã có bác sĩ là 80%.

- Tỷ lệ dân thành thị được sử dụng nước sạch đạt 90% và nông thôn đạt 75%.

2. Nhiệm vụ trọng tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực chủ yếu

a) Ngành công nghiệp

Phát triển sản xuất công nghiệp theo hướng ưu tiên công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, nhằm tạo ra các sản phẩm chủ lực cho xuất khẩu. Khai thác tiềm năng khí ở vùng biển Tây Nam để phát triển công nghiệp khí - điện - đạm; đảm bảo tiến độ xây dựng và đưa vào vận hành các nhà máy điện sử dụng khí trong Vùng, đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy đạm Cà Mau. Phát triển công nghiệp cơ khí phục vụ nông, ngư nghiệp và đóng tàu. Phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng như xi măng, gạch ngói, cầu kiện bê tông đúc sẵn cho xây dựng nhà ở trong Vùng.

b) Ngành nông, lâm, thủy sản

Giữ ổn định diện tích đất trồng lúa có điều kiện thủy lợi để thâm canh tăng năng suất; đưa vào trồng đại trà các giống lúa có chất lượng cao dành cho xuất khẩu. Phát triển mạnh trồng cây ăn quả, rau và hoa, cây cảnh ở những nơi có điều kiện, hình thành vùng chuyên canh cây ăn quả, hoa, cây cảnh có giá trị xuất khẩu.

Phát triển nuôi trồng thủy sản, tạo ra những vùng sản xuất hàng hoá có sản lượng lớn cho xuất khẩu; phấn đấu đến năm 2010, tổng sản lượng thủy, hải sản toàn vùng đạt khoảng trên 2,2 triệu tấn, trong đó sản lượng nuôi chiếm trên 60%. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng vùng sản xuất giống thủy, hải sản quy mô lớn, chất lượng cao.

Bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn ven biển, rừng nguyên sinh Phú Quốc; khôi phục và trồng mới rừng tràm ở những nơi đất trũng, chua phèn vùng Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên, Tây sông Hậu và bán đảo Cà Mau; trồng rừng phòng hộ ven biển; trồng cây chắn sóng ở các vùng ngập lũ, ven sông, kênh rạch, các cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ.

c) Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch

Mở rộng mạng lưới thương mại để tiêu thụ hàng hoá nông sản. Phát triển các chợ đầu mối, chợ đường biên với Campuchia. Phấn đấu đến năm 2010 tổng mức hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ toàn Vùng đạt gấp 2 lần năm 2005. Đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản, nông sản, các loại hoa, quả; nâng cao chất lượng giống lúa và kỹ thuật thu hoạch chế biến để nâng giá trị xuất khẩu gạo. Đến năm 2010, tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn đạt khoảng 6,2 - 6,5 tỷ USD, trong đó xuất khẩu thủy, hải sản đạt trên 2,2 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu bình quân đạt trên 350 USD/người/năm.

Đối với việc tiêu thụ sản phẩm hàng hoá nông, lâm, thủy sản, từng bước thực hiện theo cơ chế tổ chức liên kết và ký kết hợp đồng mua - bán sản phẩm giữa hộ nông dân, hợp tác xã với doanh nghiệp, trên cơ sở thoả thuận, đôi bên cùng có lợi, với các phương thức thích hợp. Phần đầu đến năm 2010, có trên 60% số hộ nông dân được sản xuất và tiêu thụ hàng hoá theo hợp đồng, có địa chỉ tiêu thụ rõ ràng; cũng qua đó, các doanh nghiệp chế biến và doanh nghiệp thương mại có nguồn hàng hoá ổn định cho sản xuất và kinh doanh.

Mở rộng các loại hình tổ chức như hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất, câu lạc bộ, hội nghề nghiệp để hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Hình thành các hiệp hội tương trợ nhau trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, thông tin kịp thời thị trường, giá cả, bảo vệ quyền lợi người sản xuất, kinh doanh. Xây dựng các giải pháp cho từng ngành, từng lĩnh vực về nâng cao chất lượng sản phẩm, xúc tiến thương mại, xây dựng và bảo vệ thương hiệu, tạo lập thị trường ổn định, bền vững.

Phát triển du lịch nhằm khai thác tiềm năng đặc thù của Vùng, xây dựng các khu du lịch vui chơi giải trí tổng hợp, gắn du lịch sinh thái với thắng cảnh, di tích lịch sử; phát triển du lịch vùng rừng ngập mặn Cà Mau, vùng Đồng Tháp Mười; phát triển du lịch biển đảo, tập trung phát triển du lịch đảo Phú Quốc.

Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ đáp ứng yêu cầu phát triển. Nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ giáo dục, y tế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn.

d) Các lĩnh vực giáo dục, văn hoá - xã hội:

Nâng cao dân trí, đẩy mạnh xã hội liên ngành, giáo dục, nhất là giáo dục đại học, cao đẳng và dạy nghề. Nâng cấp và thành lập mới một số trường đại học, cao đẳng.

Tăng cường công tác đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật. Xây dựng một số viện và trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ có trình độ cao, trước hết là công nghệ sinh học phục vụ cho Vùng.

- Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các bệnh viện tuyến tỉnh, nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và giảm áp lực cho tuyến trên; đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hiện đại hoá các bệnh viện chuyên khoa ở thành phố Cần Thơ phục vụ cho cả Vùng. Xây dựng và nâng cấp các bệnh viện ở tuyến huyện, các trạm xá ở cơ sở. Nâng cấp các trung tâm cai nghiện ở các địa bàn trọng điểm gắn với dạy nghề cho đối tượng sau cai nghiện. Tập trung phòng, chống kịp thời các dịch bệnh; không chế tốc độ tăng và tiến tới giảm dần các bệnh xã hội, đặc biệt là HIV/AIDS và một số bệnh truyền nhiễm khác. 100% thôn, xóm có nhân viên y tế, nâng số giường bệnh đạt trên 20 giường/vạn dân.

- Phát triển và bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc. Xây dựng hoàn chỉnh các trung tâm văn hoá - thông tin cấp tỉnh, xây dựng và nâng cấp các đài phát thanh - truyền hình địa phương, cải tạo và xây dựng các trạm truyền thanh ở cơ sở (ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc), mở rộng chương trình và tăng thời lượng phát sóng bằng tiếng Khmer.

- Đến năm 2010, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị dưới 5%, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 85%, trong đó qua đào tạo nghề có bằng cấp từ công nhân kỹ thuật trở lên chiếm trên 15%; tuổi thọ bình quân đạt 72 tuổi.

đ) Khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường: ưu tiên phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ, các trạm, trại giống cây trồng, vật nuôi. Đẩy mạnh ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

Đến năm 2010, đưa 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, bảo đảm xử lý chất thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

Cơ bản hoàn thành việc cải tạo và nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước mưa và nước thải ở các đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất. Đảm bảo trên 40% các khu đô thị và trên 80% số khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn về môi trường, trên 90% chất thải rắn được thu gom, trên 60% chất thải nguy hại và 100% chất thải bệnh viện được xử lý.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng và hợp tác quốc tế với các nước thuộc Tiểu vùng sông Mê Kông trong việc khai thác, sử dụng và bảo vệ để phát triển bền vững nguồn tài nguyên nước sông Mê Kông.

e) Phát triển nguồn nhân lực:

- Triển khai Quyết định số 20/2006/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về "Phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010". Đây là nhiệm vụ chiến lược nhằm nâng cao dân trí và đào tạo nguồn nhân lực cho vùng đồng bằng sông Cửu Long trong những năm tới.

- Phát triển nguồn nhân lực phải được làm đồng bộ từ nâng cao dân trí, tăng số lượng và nâng cao chất lượng dạy và học ở các cấp, phát triển các hình thức đào tạo ngành nghề phong phú, phù hợp với từng đối tượng, từng ngành nghề cần phát triển ở mỗi địa phương, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đội ngũ doanh nhân có năng lực và có cơ chế, chính sách thoả đáng để thu hút nhân tài, cán bộ khoa học - kỹ thuật có trình độ cao. Thường xuyên bổ sung và có chính sách sử dụng hiệu quả cán bộ của cơ quan, doanh nghiệp trung ương đóng trên địa bàn tăng cường cho tỉnh, huyện và lấy cán bộ huyện tăng cường cho xã; thực hiện luân chuyển cán bộ nông cốt.

Hàng năm ngân sách địa phương dành một tỷ lệ nhất định cho đào tạo nghề, khuyến khích các doanh nghiệp đào tạo nghề, cho vay vốn, tạo điều kiện để học sinh nghèo có điều kiện được học nghề.

Xây dựng hoàn thiện cơ cấu hệ thống đào tạo ngành nghề theo hướng đào tạo lao động kỹ thuật thực hành ở các cấp độ và thời gian đào tạo khác nhau (công nhân kỹ thuật, công nhân kỹ thuật lành nghề, công nhân kỹ thuật trình độ cao) để thu hút số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông, bộ đội xuất ngũ vào học.

Tổ chức hình thức đào tạo đa dạng với nhiều mô hình thích hợp. Khuyến khích xã hội hoá công tác đào tạo nghề. Chú ý gắn kết chặt chẽ giữa việc đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người học nghề sau khi ra trường.

g) Xây dựng kết cấu hạ tầng:

- Về thủy lợi:

Triển khai Quyết định số 84/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thủy lợi vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020; ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi quan trọng, nhằm sử dụng và khai thác hợp lý, hiệu quả nguồn nước sông Mê Kông, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và phòng, chống thiên tai. Xây dựng chiến lược quản lý, khai thác, tích trữ nguồn nước ngọt sông Tiền và sông Hậu.

Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh các công trình thủy lợi: Ba Lai (Bến Tre), Chương trình ngọt hoá Gò Công, bán đảo Cà Mau, công trình kiểm soát lũ vùng Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên; vùng thoát lũ tiêu giữa sông Tiền - sông Hậu... cho phù hợp với yêu cầu phục vụ chuyển đổi cơ cấu kinh tế của Vùng.

Thực hiện Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các Vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2015.

Tăng cường công tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ. Xây dựng các phương án quy hoạch thủy lợi, hỗ trợ việc chống sạt lở khu vực giáp biên giới với Campuchia và các khu vực sạt lở ven sông Tiền và sông Hậu, bảo đảm an toàn và sử dụng hiệu quả nguồn nước sông MêKông trong điều kiện có những thay đổi bất lợi trên thượng nguồn.

- Về giao thông:

Triển khai thực hiện Quyết định số 344/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch phát triển giao thông vận tải vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

Triển khai thi công đúng tiến độ, sớm đưa vào sử dụng các công trình đã được bố trí vốn trái phiếu Chính phủ.

Tập trung đầu tư xây dựng một số công trình trọng điểm về đường bộ, đường sông, đường biển và cảng hàng không; ưu tiên các tuyến đường ra biên giới, đường dọc biên giới với Campuchia, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Vùng trong những năm tới.

Rà soát lại danh mục các công trình, dự án và từng hạng mục trong mỗi công trình để sắp xếp thứ tự ưu tiên, giãn tiến độ đối với những công trình chưa thật cấp bách, đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển giao thông của toàn Vùng và phù hợp khả năng cân đối vốn hàng năm.

Phối hợp chặt chẽ để xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh đối với một số dự án lớn đã được bàn giao từ Bộ Giao thông vận tải về cho địa phương làm chủ đầu tư, đảm bảo thực hiện dự án đúng tiến độ.

- Về nhà ở và xây dựng cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ:

Nâng cao hiệu quả các cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ; tập trung và kết hợp các nguồn vốn để đẩy nhanh tiến độ và đảm bảo đồng bộ các công trình hạ tầng trong các cụm tuyến dân cư như: đường, điện, nước sinh hoạt, các công trình y tế, giáo dục v.v... để đưa dân vào ở ổn định; đưa các ngành nghề phù hợp vào các cụm, tuyến dân cư để đảm bảo cho người dân có việc làm, có thu nhập ổn định, từng bước nâng cao mức sống. Phần đầu đến năm 2008 hoàn thành việc đưa dân từ các vùng ngập lũ thường xuyên vào nơi ở mới ổn định. Xây dựng các cụm, tuyến dân cư trở thành các điểm văn hoá mới.

Huy động mọi nguồn lực để triển khai chương trình xoá nhà tạm, nhà đơn sơ, sửa chữa, cải tạo hoặc đầu tư xây dựng nhà ở kiên cố, bán kiên cố cho các hộ nghèo trong vùng. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nhà ở, đất ở cho các hộ nghèo ở nông thôn trong Vùng.

Xây dựng các điểm dân cư tập trung ở nông thôn gắn với phát triển các dịch vụ bưu chính, viễn thông, phát thanh truyền hình để nâng cao điều kiện sống của nhân dân, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

- Xây dựng và phát triển các đô thị nằm trong tứ giác trung tâm Vùng là các thành phố Cần Thơ, thị xã Vĩnh Long, thị xã Xa Đéc và thành phố Long Xuyên; phát triển thành phố Cần Thơ thành trung tâm công nghiệp, trung tâm thương mại - dịch vụ, du lịch, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hoá của Vùng.

h) Bảo đảm quốc phòng, an ninh:

Kết hợp đầu tư phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng các cơ sở hạ tầng phục vụ quốc phòng, an ninh cho Vùng, nhất là ở các khu vực biên giới, hải đảo.

Tập trung phát triển kinh tế biển. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động kinh tế, cứu hộ và kiểm soát trên sông, trên biển.

Giải quyết tốt các chính sách về dân tộc và tôn giáo; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Điều 2. Tiếp tục thực hiện và bổ sung một số cơ chế, chính sách và giải pháp để phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của Vùng.

1. Cơ chế, chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Các đối tượng hộ gia đình thuộc diện phải bố trí, sắp xếp lại dân cư ở các nơi xung yếu, rất xung yếu, bảo vệ nghiêm ngặt của rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trong vùng đồng bằng sông Cửu Long được hưởng chính sách theo Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Tất cả các đối tượng di dân trong vùng dự án, các hộ sống ở vùng thiên tai, ngập lũ được chuyển vào cụm tuyến dân cư vượt lũ, không có đất để khai hoang, mở rộng diện tích sản xuất nông, lâm nghiệp, di dân nội vùng... đều được hưởng chính sách hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo Quyết định số 190/2003/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ.

- Cho phép áp dụng những cơ chế, chính sách hiện hành nêu tại các quyết định sau đây cho vùng đồng bằng sông Cửu Long:

+ Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2005 về việc thí điểm giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng;

+ Quyết định số 231/2005/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2005 về hỗ trợ doanh nghiệp nông, lâm nghiệp nhà nước, Ban Quản lý rừng đặc dụng, Ban Quản lý rừng phòng hộ sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số.

2. Về chính sách đất đai cho nông dân không có đất, thiếu đất sản xuất:

- Tạo thêm quỹ đất bằng cách khai hoang; rà soát lại quỹ đất của các tổ chức nông, lâm trường quốc doanh không sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả để thu hồi, giao lại cho địa phương để giao cho các hộ nông dân chưa có đất sản xuất.

- Ở những nơi không còn quỹ đất công, chính quyền địa phương tổ chức cho người lao động chuyển đổi ngành nghề bằng cách đào tạo nghề, thu hút lao động vào các nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tại địa phương hoặc cung cấp lao động cho các khu công nghiệp ở các vùng khác.

- Tạo điều kiện để một bộ phận nông dân thiếu đất hoặc không có đất được đến lập nghiệp ở các vùng kinh tế mới hoặc mở rộng ngành nghề dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo việc làm cho nông dân không có đất sản xuất. Tăng cường giải quyết việc làm cho thanh niên nông thôn thông qua xuất khẩu lao động.

3. Cơ chế, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số:

- Tập trung thực hiện tốt Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; đồng thời thực hiện tốt các chính sách xã hội khác của Nhà nước phù hợp với điều kiện và tập quán của đồng bào.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước để: xây dựng trường lớp riêng cho trẻ em Khmer và sư sãi Nam Tông, xây dựng các lò hỏa táng theo tập tục ở vùng đồng bào dân tộc, hỗ trợ đối với giáo viên (kể cả nhà sư) dạy bổ túc chữ Khmer ở các chùa.

- Ưu tiên giải quyết nâng mức đầu tư cho vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội và các nguồn vốn khác. Thực hiện tốt công tác khuyến nông, khuyến công và tăng cường hướng dẫn cách làm ăn cho đồng bào.

- Đối với các gia đình đồng bào dân tộc nghèo, ngoài việc được miễn đóng góp các khoản tiền cho học tập, khám chữa bệnh, từng địa phương cần có những quy định cụ thể miễn giảm các khoản đóng góp khác trong phạm vi thẩm quyền.

- Tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, đối với các đối tượng chính sách khác, các hộ sản xuất, kinh doanh ở Vùng khó khăn do Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng phát triển thực hiện theo Quyết định của Chính phủ.

- Mở rộng diện cử tuyển cho học sinh người dân tộc thiểu số. Đối với học sinh là người dân tộc thiểu số nghèo thuộc diện học ở các trường nội trú nhưng lại học ở các trường công lập, bán công được hưởng học bổng bằng 50% mức học bổng nội trú như quy định hiện hành. Ưu tiên giải quyết việc làm cho con em đồng bào dân tộc thiểu số đã qua đào tạo.

- Xây dựng chính sách ưu đãi cụ thể đối với những doanh nghiệp đầu tư vào vùng dân tộc Khmer và những dự án sử dụng nhiều lao động là người dân tộc thiểu số.

- Mở rộng chương trình và tăng thời lượng phát sóng bằng tiếng dân tộc Khmer, cải tạo và xây dựng các trạm truyền thanh ở cơ sở. Có kế hoạch bảo tồn, khai thác và phát huy vốn văn hóa của các dân tộc thiểu số trong Vùng.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo và đối tượng thuộc diện chính sách xã hội.

- Điều chỉnh định mức tiền thuốc và tiêu hao vật tư y tế thông dụng cho các trạm y tế xã, tăng mức phụ cấp cho giáo viên mầm non, mẫu giáo và cán bộ y tế thêm bằng 50% so với mức lương cơ bản tại các xã Vùng khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Cơ chế, chính sách về huy động nguồn lực cho phát triển:

- Huy động tối đa các nguồn lực, trong đó đặc biệt là nguồn lực từ khai thác quỹ đất, tài sản công, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Tiếp tục thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP của Chính phủ, phù hợp với đặc điểm kinh tế và điều kiện xã hội ở mỗi địa phương. Ngân sách nhà nước dành kinh phí ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chủ yếu.

- Khuyến khích mở rộng các hình thức dịch vụ về vốn cho người sản xuất, đặc biệt khuyến khích các doanh nghiệp giải quyết vốn cho dân dưới hình thức ứng vốn trước cho người sản xuất và thu hồi lại bằng sản phẩm.

- Tổ chức các cuộc xúc tiến giới thiệu thế mạnh và các lĩnh vực được ưu đãi để kêu gọi vốn FDI đầu tư vào địa phương. Đồng thời, cần ban hành những quy định cụ thể để giúp các doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất, tiếp cận các nguồn vốn; hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc giải phóng mặt bằng, đào tạo nguồn nhân lực; thành lập Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

5. Cơ chế hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước:

Hàng năm, ngân sách trung ương hỗ trợ cho các địa phương trong Vùng qua các chương trình, dự án do Bộ, ngành quản lý; hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu cho các địa phương.

Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương được ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội. Các công trình, dự án do địa phương quản lý chủ yếu do ngân sách địa phương bố trí, ngân sách trung ương hỗ trợ một phần vốn cho địa phương căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước hàng năm được Quốc hội phê duyệt.

- Từ nay đến 2010 tập trung vận động và dành ưu tiên nguồn vốn ODA cho vùng đồng bằng sông Cửu Long để đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội, nhằm phát triển toàn diện nông thôn, xóa đói, giảm nghèo; phát triển mạng lưới giao thông, thủy lợi, đầu tư mới và nâng cấp các hệ thống cấp, thoát nước; hỗ trợ phát triển giáo dục và đào tạo; phát triển hệ thống y tế, phòng, chống dịch bệnh.

Các địa phương xây dựng kế hoạch thu hút và sử dụng vốn ODA từ nay đến năm 2010 để làm căn cứ cho việc vận động, thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với các Bộ, ngành trong quá trình lồng ghép các chương trình, dự án ODA lớn, thiết lập mối quan hệ với các nhà tài trợ để tiếp cận tốt hơn nguồn vốn ODA và NGO, tổ chức hội nghị điều phối ODA cho cả Vùng.

- Nâng mức hỗ trợ vốn ngân sách trung ương tối đa không quá 70 tỷ đồng cho việc đầu tư khu công nghiệp đối với các địa phương đáp ứng tiêu chí của Quyết định số 183/2004/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ (bao gồm cả đường gom hoặc đường, cầu vào khu công nghiệp).

- Hỗ trợ vốn ngân sách trung ương cho việc xây dựng hạ tầng khu công nghiệp thứ 2 do địa phương lựa chọn, tối đa không quá 70 tỷ đồng, đối với các địa phương đáp ứng tiêu chí của Quyết định số 183/2004/QĐ-TTg.

- Hỗ trợ 100% vốn đối ứng các dự án ODA do địa phương quản lý đối với các dự án đáp ứng điều kiện hỗ trợ của Quyết định số 210/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục bố trí vốn để thực hiện các Quyết định số 84/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 344/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 78/2004/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh bổ sung một số cơ chế, chính sách để đẩy nhanh tốc độ xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở tại các tỉnh thường xuyên ngập lũ vùng đồng bằng sông Cửu Long và phối hợp, lồng ghép các chương trình, mục tiêu trên địa bàn; đặc biệt ưu tiên và tập trung bố trí vốn từ các chương

trình: nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, xây dựng nâng cấp trường học, chương trình y tế và các chương trình khác để hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng trong cụm, tuyến dân cư.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng sông Cửu Long nghiên cứu các giải pháp để cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư cho tăng trưởng kinh tế; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương để xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đề ra; phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố và quy hoạch ngành phù hợp về không gian, thời gian và tình hình mới; xác định cơ chế phối hợp giữa các địa phương, giữa các Bộ, ngành với các địa phương; xây dựng kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 và kế hoạch hàng năm theo mục tiêu quy hoạch đã được duyệt và tiến độ thực hiện trong từng thời kỳ. Xác định danh mục chương trình, dự án chủ yếu đầu tư 5 năm và kế hoạch hàng năm; giám sát việc thực hiện đầu tư phát triển theo quy hoạch.

Các địa phương tổ chức thực hiện tốt công tác giải tỏa đền bù, quản lý đầu tư xây dựng nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án công trình giao thông, thủy lợi đầu tư từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

Sử dụng đúng mục đích nguồn thu từ xổ số kiến thiết để lại cho địa phương để đầu tư cho giáo dục - đào tạo, y tế, các công trình phúc lợi xã hội.

2. Các Bộ, ngành căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình và nội dung của Quyết định này, có trách nhiệm cùng với các tỉnh, thành phố trong Vùng tổ chức chỉ đạo thực hiện các chương trình, dự án cụ thể thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

Tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng các quy hoạch, kế hoạch thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý và thống nhất các quy hoạch của ngành mình với các tỉnh, thành phố trong Vùng trước khi phê duyệt. Đồng thời chỉ đạo triển khai nghiêm túc các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển của ngành mình giai đoạn 2006 - 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong Vùng xây dựng, ban hành quy chế phối hợp nhằm tạo ra sự phát triển nhanh, thống nhất trong không gian kinh tế toàn Vùng.

3. Các Bộ, ngành, địa phương định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo tình hình thực hiện Quyết định này, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Hàng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long sơ kết, tổng kết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Quyết định này.

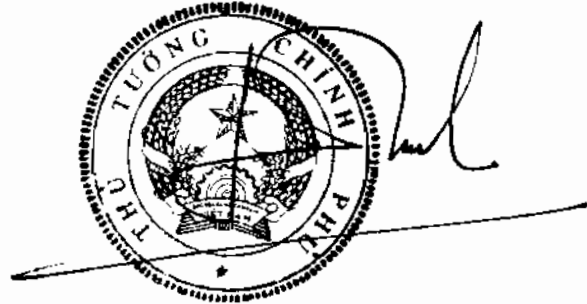
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng sông Cửu Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ;
- Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND 13 tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Website Chính phủ, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, ĐP (5b).^{xh} 180

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng